

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Hà Nội - Tháng 12 năm 2018**

**MỤC LỤC**

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 37

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 07 năm 2018.

Trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng, Xã Tích Giang, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 5A tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, Phường Quang Trung, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Mã chứng khoán: NHP

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP là: **275.764.900.000** đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng).

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Họ tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
--------	---------	---------------	-----------------

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch Hội đồng quản trị		
Ông Ngô Văn Phương	Phó Chủ tịch		
Ông Nguyễn Cảnh Dinh	Thành viên		12/09/2018
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên		
Ông Trần Đình Thiêng	Thành viên		

#### Ban Kiểm soát

Bà Lưu Thị Tuyết	Trưởng Ban kiểm soát	26/05/2018	
Bà Nguyễn Thị Quyên	Thành viên	26/05/2018	
Bà Nguyễn Thị Trang	Thành viên	26/05/2018	
Bà Khuất Thu Hương	Trưởng Ban kiểm soát	28/04/2017	26/05/2018
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên		26/05/2018

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Ban Tổng Giám đốc

Ông Phạm Đình Trung	Tổng Giám đốc	27/06/2018	
Bà Phạm Thị Thủy	Nguyên Tổng Giám đốc		27/06/2018

#### Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Hương	Kế toán trưởng	06/11/2018	
Bà Nguyễn Thị Thu Phương	Nguyên Kế toán trưởng	15/06/2018	06/11/2018
Ông Phạm Thiên Thành	Nguyên Kế toán trưởng		15/06/2018

**CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ để Báo cáo tài chính giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**CAM KẾT KHÁC**

Ban Giám đốc cam kết tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng và Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



**Phạm Đình Trung**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

Số: 789/2018/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Về Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018  
của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được lập ngày 07 tháng 12 năm 2018, từ trang 06 đến trang 37, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2018, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở của kết luận ngoại trừ**

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 30/06/2018, nên chúng tôi không tham gia thực hiện chứng kiến kiểm kê tại ngày 01/01/2018 và tại ngày 30/06/2018 của các khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục soát xét thay thế, nhưng các thủ tục này chưa giúp chúng tôi xác định tính hiện hữu, giá trị của các khoản mục trên tại ngày 01/01/2018 là 45,662 tỷ đồng, tại ngày 30/06/2018 là 30,754 tỷ đồng. Chúng tôi không đủ cơ sở để xác định các ảnh hưởng (nếu có) tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

Giao dịch với các bên liên quan được trình bày tại Thuyết minh số 6.1c phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, các giao dịch này được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, giá thực hiện của các giao dịch có thể khác biệt với giá thị trường. Chúng tôi không thực hiện đánh giá các ảnh hưởng của sự khác biệt này (nếu có) đến Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**Kết luận ngoại trừ**

Ngoại trừ các điều chỉnh đối với báo cáo tài chính giữa niên độ mà chúng tôi có thể nhận thấy nếu tình huống nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ” không xảy ra, căn cứ trên kết quả soát xét, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2018, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như đã trình bày tại thuyết minh số 5.16 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính:

Tại ngày 30/06/2018, Công ty có các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán tại các tổ chức tín dụng bao gồm gốc vay, lãi vay (lãi trong hạn và lãi quá hạn).

Hợp đồng bảo lãnh số 230117-3393970-01-SME/HĐQL và số 230117-3393970-02-SME/HĐQL ngày 24/01/2017 của Bà Phạm Thị Thủy và Ông Lê Xuân Nghĩa ký ngày 24/01/2017 (các Bên bảo lãnh) ký ngày 24/01/2017 về việc bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng.

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI). Báo cáo kiểm toán độc lập số 54/2018/BCKT/BCTC/CPA HANOI phát hành ngày 22/03/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Nghị quyết số 01/2018/NHP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 05 năm 2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu NHP thông qua việc thay đổi phương án phân chia lợi nhuận năm 2016 từ trả cổ tức bằng tiền mặt sang cổ tức cổ phiếu. Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm tại ngày 01/01/2018 liên quan đến khoản phải trả cổ tức số tiền là 5.239.533.100 đồng được ghi nhận trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017.



Phan Huy Thăng

Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0147-2018-137-1

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>135.000.754.286</b>	<b>147.689.282.458</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>4.704.628.626</b>	<b>5.152.193.951</b>
1. Tiền	111		4.704.628.626	5.152.193.951
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>98.952.054.248</b>	<b>96.526.479.415</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	67.324.766.214	56.324.072.991
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.3	1.188.442.100	2.372.009.783
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	10.100.000.000	4.700.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	25.215.305.434	33.130.396.641
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(4.876.459.500)	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.7</b>	<b>26.049.909.377</b>	<b>39.473.130.784</b>
1. Hàng tồn kho	141		26.054.851.195	40.553.153.582
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(4.941.818)	(1.080.022.798)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.294.162.035</b>	<b>6.537.478.308</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.438.926
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.294.162.035	6.532.039.382
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>250.249.740.775</b>	<b>240.094.151.322</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>126.502.530</b>	<b>994.502.530</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	126.502.530	994.502.530
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>62.870.584.732</b>	<b>64.522.199.224</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	62.870.584.732	64.522.199.224
- Nguyên giá	222		73.412.070.910	73.412.070.910
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.541.486.178)	(8.889.871.686)
<b>V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.9</b>	<b>186.800.000.000</b>	<b>174.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		124.000.000.000	124.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		50.000.000.000	50.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		12.800.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>452.653.513</b>	<b>577.449.568</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	452.653.513	577.449.568
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>385.250.495.061</b>	<b>387.783.433.780</b>
(270 = 100+200)				

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

Mẫu B 01a - DN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2018	01/01/2018
			VND	VND
<b>C- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>115.461.370.107</b>	<b>103.653.511.240</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>105.703.267.052</b>	<b>89.956.366.965</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	15.336.537.550	14.601.734.655
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	10.086.396.282	5.167.970.472
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	266.003.341	177.518.290
4. Phải trả người lao động	314		384.179.705	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	8.061.446.380	2.529.928.943
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15	2.851.651.343	2.216.929.135
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	68.421.428.075	64.986.886.855
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		295.624.376	275.398.615
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>9.758.103.055</b>	<b>13.697.144.275</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.16	9.758.103.055	13.697.144.275
<b>D- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>269.789.124.954</b>	<b>284.129.922.540</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.17</b>	<b>269.789.124.954</b>	<b>284.129.922.540</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		275.764.900.000	275.764.900.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		275.764.900.000	275.764.900.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(226.000.000)	(226.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.504.125.749	2.409.974.228
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.253.900.795)	6.181.048.312
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.751.821.030	5.949.164.460
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(14.005.721.825)	231.883.852
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>385.250.495.061</b>	<b>387.783.433.780</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Phòng Giám đốc





Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương

Phạm Đình Trung



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán 6	Cho kỳ kế toán 6
			tháng kết thúc ngày 30/6/2018	tháng kết thúc ngày 30/6/2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.18	30.036.454.978	81.866.730.533
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		30.036.454.978	81.866.730.533
4. Giá vốn hàng bán	11	5.19	31.385.646.983	72.381.025.164
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		(1.349.192.005)	9.485.705.369
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.20	108.145.375	2.634.967
7. Chi phí tài chính	22	5.21	5.346.331.633	4.192.229.070
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.343.151.308	4.168.756.727
8. Chi phí bán hàng	25	5.22	191.113.727	318.914.720
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.22	6.541.397.525	2.027.652.721
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		(13.319.889.515)	2.949.543.825
11. Thu nhập khác	31	5.23	200	(104.133.340)
12. Chi phí khác	32	5.23	685.832.510	206.412.132
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.23	(685.832.310)	(310.545.472)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40+45)	50		(14.005.721.825)	2.638.998.353
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.24	-	567.887.147
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(14.005.721.825)	2.071.111.206
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.25	(507.89)	75.10

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

Người lập



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương



Tổng Giám đốc

Phạm Đình Trung

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018

CHỈ TIÊU 1	MS 2	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017
		3	4
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	22.326.769.032	92.264.336.932
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(9.938.816.869)	(80.345.056.801)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.953.358.534)	(4.303.493.264)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	(3.866.765.508)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(113.469.974)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	35.764.456.969	4.143.003.713
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(32.134.450.829)	(7.338.907.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>13.951.129.795</b>	<b>553.117.572</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	4.400.000.000
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.200.000.000)	-
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	4.200.000.000	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	105.804.880	910.657
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.894.195.120)</b>	<b>4.400.910.657</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	76.202.348.796
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(504.500.000)	(79.172.781.873)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(504.500.000)</b>	<b>(2.970.433.077)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(447.565.325)</b>	<b>1.983.595.152</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>5.152.193.951</b>	<b>5.091.870.508</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4.704.628.626</b>	<b>7.075.465.660</b>

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Hương

Nguyễn Thị Hương



Phạm Đình Trung

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU B 09A - DN

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1. Thông tin chung**

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 04 tháng 07 năm 2018.

Trụ sở chính: Thôn Điểm Tổng, Xã Tích Giang, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Mã chứng khoán: NHP

Mã chứng khoán NHP là chứng khoán thuộc diện bị cảnh cáo không được phép giao dịch ký quỹ theo Thông báo số 1097/TB-SGDHN ngày 18/09/2018 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đình Trung - Tổng Giám đốc

**Vốn điều lệ và hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ của Công ty là **275.764.900.000** đồng (*Hai trăm bảy mươi lăm tỷ, bảy trăm sáu mươi tư triệu, chín trăm nghìn đồng*), được chia thành 27.576.490 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tại ngày 30/06/2018, cơ cấu cổ đông của Công ty bao gồm:

Ông Lê Xuân Nghĩa nắm giữ 16,72% tương đương với 4.610.502 cổ phiếu;

Bà Đỗ Thu Hiền nắm giữ 7,05% tương đương với 1.943.000 cổ phiếu;

Bà Nguyễn Thị Mai Hương nắm giữ 6,35% tương đương với 1.752.150 cổ phiếu;

Bà Bùi Thị Lệ Thủy nắm giữ 4,77% tương đương với 1.315.000 cổ phiếu;

Cổ đông là các tổ chức, cá nhân nước ngoài (số lượng 8 cổ đông) nắm giữ 0,96% tương đương 266.100 cổ phiếu;

Cổ đông là các cá nhân khác (số lượng 752 cổ đông) nắm giữ 64,15% vốn điều lệ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2018 là: 98 người.

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp lần đầu số 0106332492 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất các loại bánh từ bột (ngành nghề kinh doanh chính);
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí, và các sản phẩm liên quan;
- Dịch vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, vũ trường, karaoke);
- Sản xuất ca cao, socola và mút kẹo;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Khai thác và thu gom than non; Khai thác và thu gom than cứng (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác khí đốt tự nhiên; Khai thác dầu thô (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng sắt (trừ loại Nhà nước cấm);
- Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt (trừ quặng uranium và thorium);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (trừ loại Nhà nước cấm);

**1. Thông tin chung (Tiếp theo)**

**1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
- Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý (trừ vàng miếng và quặng uranium và thorium);
- Đúc sắt, thép (trừ loại Nhà nước cấm);
- Đúc kim loại màu (trừ vàng miếng và quặng uranium và thorium);
- Sản xuất các cấu kiện kim loại; Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
- In ấn (trừ loại Nhà nước cấm); Dịch vụ liên quan đến in (trừ loại Nhà nước cấm);
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ loại Nhà nước cấm);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng  
Chi tiết: trang trí nội thất;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú); Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh; Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu  
Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;
- Hoạt động viễn thông khác  
Chi tiết: Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng viễn thông và internet;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất  
Chi tiết: tư vấn, quảng cáo, quản lý bất động sản (không bao gồm môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất và dịch vụ sàn giao dịch bất động sản);
- Đại lý, môi giới, đấu giá

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Kinh doanh thương mại hạt nhựa và sản xuất bao bì.

**2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán trong Báo cáo này là từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 đến ngày 30 tháng 06 năm 2018.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2012/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22/12/2014.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán***Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*

Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày 30/06/2018.

(i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của các ngân hàng mà Công ty đang giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá - TK 413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc Chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

*Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại các khoản mục có gốc tiền tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính*

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua vào	Tỷ giá bán ra
30/06/2018	Ngân hàng Vietcombank	22.920 VND/USD	22.990 VND/USD

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có

*Các khoản tương đương tiền*

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo Hợp đồng, khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí sản xuất chung phân bổ và chi phí khác (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. **Nguyên tắc kế toán**

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)****b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao đối với các tài sản mua mới:

Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	40
Máy móc và thiết bị	6 - 15

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời gian từ 01 năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ dần vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 03 năm.

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:

- Chi phí trích trước chi phí lãi vay và chi phí lương nhân viên.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn chủ sở hữu hiện nay của Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật Việt Nam. Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên hàng năm của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Chiết khấu thương mại:** là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Giảm giá hàng bán:** là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
- Hàng bán bị trả lại:** do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃU B 09A - DN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã ghi nhận trong kỳ.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:

- Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
- Lỗ đầu tư chứng khoán : Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Mô hình tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP không thành lập các bộ phận kinh doanh riêng biệt theo lĩnh vực kinh doanh, toàn bộ các khoản thu nhập phát sinh và hạch toán tại Công ty nên không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh. Mặt khác, tài sản của Công ty được theo dõi và quản lý tập trung, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ nằm trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam nên cũng không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	4.681.850.199	5.109.117.970
Tiền gửi ngân hàng	22.778.427	43.075.981
<b>Tổng</b>	<b>4.704.628.626</b>	<b>5.152.193.951</b>

5.2 Phải thu khách hàng

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>a) Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>67.324.766.214</b>	<b>56.324.072.991</b>
Công ty TNHH Thịnh Phát	32.986.112.544	29.830.973.366
Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng GDM	16.254.865.000	16.254.865.000
Công ty TNHH TM và hóa chất Ánh Dương	10.003.159.760	-
Công ty TNHH Dệt Kim Phú Vĩnh Hưng	2.442.000.000	2.442.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	1.842.500.000	1.842.500.000
Công ty Cơ khí Việt Á	1.618.663.250	1.115.792.590
Công ty Cổ phần Delex Việt Nam	1.594.000.000	1.568.000.000
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	189.221.360	3.064.577.000
Đối tượng khác	394.244.300	205.365.035
<b>b) Phải thu khách hàng dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>67.324.766.214</b>	<b>56.324.072.991</b>

Công ty chưa thực hiện đánh giá khả năng hồi nợ phải thu quá hạn tại ngày 30/06/2018. Việc trích lập dự phòng nợ phải thu trên có thể sẽ được Công ty tiếp tục thực hiện trích lập vào thời điểm kết thúc năm tài chính 2018.

Số dư các bên liên quan được thuyết minh tại Mục 6, nêu tại thuyết minh số 6.1b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

5.3 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Công ty TNHH Thịnh Phát	-	1.131.689.333
Công ty TNHH Quan Châu	690.228.000	690.228.000
Viện nghiên cứu phát triển kinh doanh	418.214.100	418.214.100
Công ty Cổ phần đầu tư NHP	80.000.000	80.000.000
Đối tượng khác	-	51.878.350
<b>Tổng</b>	<b>1.188.442.100</b>	<b>2.372.009.783</b>

Số dư các bên liên quan được thuyết minh tại Mục 6, nêu tại thuyết minh số 6.1b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.4 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Đoàn Thị Xuân <sup>(1)</sup>	3.900.000.000	1.500.000.000
Triệu Thị Khoa <sup>(2)</sup>	3.200.000.000	3.200.000.000
Vũ Thị Sinh <sup>(3)</sup>	3.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<b>10.100.000.000</b>	<b>4.700.000.000</b>

<sup>(1)</sup> Theo Hợp đồng cho vay tiền số 02/2017/HĐVT ký ngày 25/12/2017; số 02/2018/HĐVT ký ngày 08/06/2018, lãi suất cho vay 9%/năm. Bà Đoàn Thị Xuân đã thực hiện thanh toán gốc vay và lãi vay tại ngày 25/07/2018 và ngày 24/09/2018.

<sup>(2)</sup> Theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2017/HĐVT ký ngày 07/12/2017, lãi suất 9%/năm. Bà Triệu Thị Khoa đã thực hiện thanh toán gốc vay và lãi vay tại ngày 10/07/2018 và ngày 29/07/2018.

<sup>(3)</sup> Theo Hợp đồng cho vay tiền số 01/2018/HĐVT ký ngày 31/05/2018. Thời gian vay 06 tháng kể từ ngày 31/05/2018, lãi suất 9%/năm.

**5.5 Phải thu khác**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng
<b>Ngắn hạn</b>	<b>25.215.305.434</b>	-	<b>33.130.396.641</b>	
- Tam ứng <sup>(4)</sup>	18.415.305.434	-	22.130.396.641	
<i>Khuất Hữu Dân</i>	10.000.000.000	-	-	
<i>Nguyễn Dịch Thắng</i>	5.000.000.000	-	-	
<i>Nguyễn Cảnh Dinh</i>	2.000.000.000	-	-	
<i>Phạm Văn Hải</i>	-	-	16.715.000.000	
<i>Lê Xuân Nghĩa</i>	321.200.000	-	2.252.500.000	
<i>Phạm Thị Thanh Hoa</i>	-	-	2.000.000.000	
<i>Đối tượng khác</i>	1.094.105.434	-	1.162.896.641	
- Thu chuyển nhượng cổ phần	6.800.000.000	-	11.000.000.000	
<i>Nguyễn Thị Mai Hương <sup>(5)</sup></i>	4.000.000.000	-	4.000.000.000	
<i>Ngô Thị Huyền <sup>(6)</sup></i>	2.800.000.000	-	2.800.000.000	
<i>Phạm Thị Thanh Hoa</i>	-	-	4.200.000.000	
Phải thu khác	-	-	-	
<b>Dài hạn</b>	<b>126.502.530</b>	-	<b>994.502.530</b>	
- Ký cược, ký quỹ	126.502.530	-	994.502.530	
<b>Tổng</b>	<b>25.341.807.964</b>	-	<b>34.124.899.171</b>	

<sup>(4)</sup> Theo Nghị quyết số 03/NHP/NQ-HĐQT/2018 ngày 29/04/2018 và Nghị quyết số 05A/NHP/NQ-HĐQT/2018 ngày 30/05/2018 của Hội đồng Quản trị về việc: sửa chữa nâng cấp nhà máy và tạm ứng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

<sup>(5)</sup> Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0311/HĐ-CT ngày 18/11/2017 v/v: chuyển nhượng là 400.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 10.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Delex Việt Nam.

<sup>(6)</sup> Theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 0112/HĐ-CT ngày 01/12/2016, số lượng cổ phần chuyển nhượng là 200.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 14.000 đồng/cổ phần của Công ty Cổ phần Delex Việt Nam.

Số dư các bên liên quan được thuyết minh tại Mục 6, nêu tại thuyết minh số 6.1b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.6 Nợ xấu**

Đơn vị tính: VND

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	16.254.865.000	11.378.405.500	-	-
<i>Trong đó:</i>				
	Quá hạn 6 tháng-1 năm	Quá hạn 1-2 năm	Quá hạn 2-3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng GDM	16.254.865.000	-	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi	4.876.459.500	-	-	-
Tỷ lệ trích lập	30%	-	-	-

**5.7 Hàng tồn kho**

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	8.918.994.296	-	14.025.995.265	(235.210.005)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	378.296.961	-	1.182.105.735	-
Thành phẩm	16.757.559.938	(4.941.818)	25.345.052.582	(844.812.793)
<b>Tổng</b>	<b>26.054.851.195</b>	<b>(4.941.818)</b>	<b>40.553.153.582</b>	<b>(1.080.022.798)</b>

Công ty thực hiện các biện pháp xuất bán hàng tồn kho trong Quý IV/2018, đánh giá tình trạng sử dụng của nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm. Việc trích lập dự phòng hàng tồn kho có thể sẽ được Công ty xem xét và thực hiện vào thời điểm 31/12/2018.

**5.8 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Tổng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	40.909.090.909	32.502.980.001	73.412.070.910
Số dư tại 30/06/2018	40.909.090.909	32.502.980.001	73.412.070.910
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2018	2.713.526.393	6.176.345.293	8.889.871.686
Tăng trong kỳ	511.363.638	1.140.250.854	1.651.614.492
Khấu hao trong kỳ	511.363.638	1.140.250.854	1.651.614.492
Số dư tại 30/06/2018	3.224.890.031	7.316.596.147	10.541.486.178
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2018	38.195.564.516	26.326.634.708	64.522.199.224
Tại 30/06/2018	37.684.200.878	25.186.383.854	62.870.584.732

Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

60.089.309.491

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÁU B 09 - DN

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính**

**a. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		30/06/2018		01/01/2018	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Giá gốc	Giá hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý Dự phòng
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết</b>						
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	37%	37%	74.000.000.000	-	74.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi	45%	45%	50.000.000.000	-	50.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang - MCK: TGG*	19%	19%	50.000.000.000	74.250.000.000	50.000.000.000	-
<b>Cộng</b>			<b>174.000.000.000</b>	<b>74.250.000.000</b>	<b>174.000.000.000</b>	<b>-</b>

Công ty Cổ phần Đầu tư NHP được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0106859909 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 10 năm 2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 25 tháng 06 năm 2018. Vốn điều lệ thực góp 198 tỷ đồng. Ngành nghề kinh doanh chính: Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Công ty Cổ phần Đầu tư NHP thực hiện đầu tư vào Công ty Cổ phần SaNa Việt Nam; Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang (tỷ lệ sở hữu 17% tương đương với 4.300.000 cổ phiếu). Các Công ty trên có địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 5 - Tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Công ty Cổ phần Sapa NHP Việt Nam có địa điểm hoạt động sản xuất kinh doanh tại Hưng Yên.

Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 5400265183 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hòa Bình cấp đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 31 tháng 10 năm 2016. Vốn điều lệ 80 tỷ đồng do Ông Nguyễn Cảnh Đại diện theo pháp luật giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Công ty thực hiện dự án "Khu vui chơi giải trí cao cấp tuổi khoảng Kim Bôi, Hòa Bình" tại địa chỉ Huyện Kim Bôi, tỉnh Hòa Bình, Việt Nam. Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi có cổ đông lớn sở hữu là Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang, tỷ lệ sở hữu 48,69% tương đương với 38,950 tỷ đồng.

Công ty Cổ phần Đầu tư NHP và Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Kim Bôi là các công ty chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán và Chế độ kế toán, Chuẩn mực kế toán hiện tại chưa có hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết trên các Phương pháp định giá. Giá trị hợp lý có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.9 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

(\*) Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang (mã chứng khoán: TGG) là tổ chức niêm yết có số lượng chứng khoán niêm yết là 27.299.990 cổ phiếu, được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu ngày 09/05/2018, địa chỉ trụ sở chính tại Tầng 5 - Tòa nhà SME Hoàng Gia, đường Tô Hiệu, phường Quang Trung, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP sở hữu 6.594.000 cổ phiếu TGG, trong đó bao gồm 5.250.000 cổ phiếu sở hữu trực tiếp và 1.344.000 cổ phiếu sở hữu gián tiếp từ việc ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 29 tháng 06 năm 2018 với Bà Phạm Thị Thủy. Tại ngày 30/06/2018, giá đóng cửa phiên giao dịch của cổ phiếu TGG là 14.850 đồng/cổ phiếu. Ban Giám đốc Công ty trình bày khoản Đầu tư khác theo mối quan hệ Đầu tư vào công ty liên kết (thể hiện theo số lượng cổ phiếu sở hữu và/hoặc khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang).

**b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đơn vị tính: VND

Đối tượng đầu tư	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá gốc	Giá hợp lý Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý Dự phòng
Dài hạn	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang (*)	12.800.000.000	19.008.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.800.000.000</b>	<b>19.008.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Theo Nghị quyết số 09/NHP/NQ-HĐQT/2018 ngày 28/06/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu NHP về việc ủy thác đầu tư theo Hợp đồng ủy thác đầu tư ngày 29 tháng 06 năm 2018 với Bà Phạm Thị Thủy (Bên nhận ủy thác) số tiền là 12,8 tỷ đồng. Nội dung ủy thác đầu tư: Bà Phạm Thị Thủy thực hiện việc quản lý và đầu tư dưới hình thức đầu tư mua 1.280.000 cổ phiếu; thời hạn ủy thác 36 tháng; lợi nhuận ủy thác được tính khi thực hiện thoái vốn đầu tư (phần chênh lệch giữa giá bán trừ đi giá mua và các chi phí khác). Tại ngày 30/11/2018, Bà Phạm Thị Thủy thực hiện việc quản lý 1.344.000 cổ phiếu, trong đó 640.000 cổ phiếu là chứng khoán tự do chuyển nhượng, 640.000 cổ phiếu là chứng khoán chuyển nhượng có điều kiện và 64.000 cổ phiếu từ cổ tức năm 2017 theo Nghị quyết số 23/2018/NQ-HĐQT ngày 17/09/2018 của Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang. Tại ngày 30/11/2018, giá đóng cửa phiên giao dịch của cổ phiếu TGG là 6.000 đồng/cổ phiếu. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng việc trích lập dự phòng khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang là chưa cần thiết trích lập tại Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 30/06/2018.

*Thông tin khác:* Nghị quyết số 08/NHP/NQ-HĐQT/2018 ngày 27/06/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu NHP về việc đồng ý thông qua đơn miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Bà Phạm Thị Thủy. Kể từ ngày 27/06/2018, Bà Phạm Thị Thủy không còn là Bên liên quan đến Công ty Cổ phần sản xuất Xuất nhập khẩu NHP.

Nghị quyết số 24/2018/TG/NQ-HĐQT ngày 22/11/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang về việc thông qua việc từ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của Bà Phạm Thị Thủy. Kể từ ngày 22/11/2018, Bà Phạm Thị Thủy không còn là Bên liên quan đến Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Trường Giang.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09A - DN

5.10 Chi phí trả trước

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	-	5.438.926
Chi phí bảo hiểm nhà máy		5.438.926
<b>Dài hạn</b>	<b>452.653.513</b>	<b>577.449.568</b>
Công cụ dụng cụ	30.068.684	65.139.371
Chi phí khác	422.584.829	512.310.197
<b>Tổng</b>	<b>452.653.513</b>	<b>582.888.494</b>

5.11 Phải trả người bán

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018		01/01/2018	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>15.336.537.550</b>	<b>15.336.537.550</b>	<b>14.601.734.655</b>	<b>14.601.734.655</b>
Công ty TNHH một thành viên 76	5.643.312.500	5.643.312.500	5.743.312.500	5.743.312.500
Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	3.529.125.000	3.529.125.000	3.599.125.000	3.599.125.000
Công ty CP sản xuất tổng hợp An Thành	1.069.250.000	1.069.250.000	901.250.000	901.250.000
Ngô Thị Ngân	1.842.265.400	1.842.265.400	1.203.488.000	1.203.488.000
Các đối tượng khác	3.252.584.650	3.252.584.650	3.154.559.155	3.154.559.155
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Tổng</b>	<b>15.336.537.550</b>	<b>15.336.537.550</b>	<b>14.601.734.655</b>	<b>14.601.734.655</b>

Số dư các bên liên quan được thuyết minh tại Mục 6, nêu tại thuyết minh số 6.3b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

5.12 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
Megafine Industrial Limited	10.086.396.282	5.167.970.472
<b>Tổng</b>	<b>10.086.396.282</b>	<b>5.167.970.472</b>

Megafine Industrial Limited chuyển tiền theo thỏa thuận số 06 MIL/NHP ngày 03/08/2017 theo nội dung tạm ứng cho các đơn hàng số tiền là \$444.711,42.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

*Đơn vị tính: VND*

	01/01/2018	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/06/2018
<b>Phải nộp</b>	<b>177.518.290</b>	<b>204.955.025</b>	<b>116.469.974</b>	<b>266.003.341</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	154.337.467	-	113.469.974	40.867.493
Thuế thu nhập cá nhân	23.180.823	4.967.525	-	28.148.348
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	196.987.500	-	196.987.500
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.000.000	3.000.000	

**5.14 Chi phí phải trả**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>8.061.446.380</b>	<b>2.529.928.943</b>
Chi phí lãi vay	7.744.930.880	2.448.110.761
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội</i>	<i>4.942.960.237</i>	<i>1.648.346.195</i>
<i>Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>1.105.432.257</i>	<i>244.421.516</i>
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây</i>	<i>1.458.046.289</i>	<i>480.227.535</i>
<i>Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền</i>	<i>238.492.097</i>	<i>75.115.515</i>
Chi phí khác	316.515.500	81.818.182
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>8.061.446.380</b>	<b>2.529.928.943</b>

**5.15 Phải trả khác**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>2.851.651.343</b>	<b>2.216.929.135</b>
Kinh phí công đoàn	22.564.500	15.158.500
Bảo hiểm xã hội	138.438.000	267.547.721
Phải trả khác	2.690.648.843	1.934.222.914
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng</b>	<b>2.851.651.343</b>	<b>2.216.929.135</b>

Số dư các bên liên quan được thuyết minh tại Mục 6, nêu tại thuyết minh số 6.3b phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09A - DN

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính**

*Đơn vị tính: VND*

	30/06/2018			01/01/2018		
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>68.421.428.075</b>	<b>68.421.428.075</b>	<b>3.855.541.220</b>	<b>64.986.886.855</b>	<b>64.986.886.855</b>	
Ngân hàng Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội <sup>(8)</sup>	49.725.992.054	49.725.992.054	-	49.997.992.054	49.997.992.054	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây <sup>(9)</sup>	14.839.894.801	14.839.894.801	-	14.988.894.801	14.988.894.801	
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.271.041.220</b>	<b>3.271.041.220</b>	<b>3.271.041.220</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội <sup>(10)</sup>	3.271.041.220	3.271.041.220	3.271.041.220	-	-	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền <sup>(11)</sup>	584.500.000	584.500.000	584.500.000	-	-	
<b>Vay dài hạn</b>	<b>9.758.103.055</b>	<b>9.758.103.055</b>	<b>-</b>	<b>3.939.041.220</b>	<b>13.697.144.275</b>	
Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội	8.177.603.055	8.177.603.055	-	3.271.041.220	11.448.644.275	
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh vượng - Chi nhánh Ngô Quyền	1.580.500.000	1.580.500.000	-	668.000.000	2.248.500.000	
<b>Tổng</b>	<b>78.179.531.130</b>	<b>78.179.531.130</b>	<b>3.855.541.220</b>	<b>78.684.031.130</b>	<b>78.684.031.130</b>	

**Vay ngắn hạn**

<sup>(8)</sup> Theo Hợp đồng cấp tín dụng hạng mức số 1480-LAV-20170037 ngày 09/06/2017; hạn mức 50 tỷ; hiệu lực 12 tháng; lãi suất 9%/năm. Bảo đảm tiền vay: tài sản đảm bảo một phần là Máy móc thiết bị phục vụ sản xuất tại nhà máy Thôn Diêm Tông, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 1480/LCL201600070 ký ngày 09/06/2016 kèm theo Phụ lục số 01/PL/1480-LCP-201600069 ngày 05/06/2017; một phần không có bảo đảm bằng tài sản. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 30/06/2018, nợ gốc quá hạn thanh toán là 49,725 tỷ đồng.

<sup>(9)</sup> Theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 83/HM/16/KHDN/VCBHT-NHP ngày 21/09/2016; hạn mức 20 tỷ đồng; hiệu lực 12 tháng; lãi suất 7.3%/năm. Bảo đảm tiền vay: hệ thống máy móc thiết bị dệt bao bì. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Nợ gốc quá hạn thanh toán là 14,839 tỷ đồng từ ngày 11/10/2017.



Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**5.16 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)**

*Vay dài hạn*

(10) Theo Hợp đồng tín dụng (trung và dài hạn) số 2192/15/TD-TT/II ký ngày 04/06/2015: gốc vay 19 tỷ đồng; thời hạn 60 tháng (ân hạn 03 tháng), lãi suất 11,5%/năm. Tài sản đảm bảo theo Hợp đồng cầm cố tài sản số 2154/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; số 2155/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; số 2163/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015 và số 2164/15/TC-TT/II ngày 04/06/2015; 250.000 cổ phiếu NHP của Bà Nguyễn Hiền Nga; và 250.000 cổ phiếu NHP của Ông Tào Ngọc Tuấn; Quyền tài sản gắn liền quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 689286 tại Thôn Điểm Tổng, xã Tích Giang, huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội. Mục đích vay: mua máy móc, thiết bị phục vụ mở rộng sản xuất. Tại ngày 30/06/2018, nợ gốc quá hạn thanh toán là 3,721 tỷ đồng.

(11) Theo Hợp đồng tín dụng số 230117-3393970-01-SME ký ngày 24/01/2017: gốc vay là 3 tỷ đồng, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất 17,95%/năm. Tài sản đảm bảo: Hợp đồng bảo lãnh số 230117-3393970-01-SME/HĐQL và số 230117-3393970-02-SME/HĐQL ngày 24/01/2017 của Bà Phạm Thị Thủy và Ông Lê Xuân Nghĩa ký ngày 24/01/2017. Mục đích vay: thanh toán tiền mua hạt nhựa PP theo Hợp đồng mua bán số 010320146.TP-NHP ngày 17/01/2017 với Công ty TNHH Thịnh Phát. Phương thức cho vay: Trả góp. Tại ngày 30/06/2018, nợ gốc quá hạn thanh toán là 584,5 triệu đồng.

Hợp đồng bảo lãnh số 230117-3393970-01-SME/HĐQL và số 230117-3393970-02-SME/HĐQL ký ngày 24/01/2017 của Bà Phạm Thị Thủy và Ông Lê Xuân Nghĩa ký ngày 24/01/2017 (các Bên bảo lãnh) về việc bên bảo lãnh đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu NHP trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Công ty đối với Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vương.

Công ty có các khoản nợ vay đã quá hạn thanh toán tại các tổ chức tín dụng bao gồm gốc vay và lãi vay. Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đang thực hiện tái cơ cấu các khoản mục đầu tư, thực hiện thu hồi nợ phải thu và tin tưởng rằng Công ty đảm bảo được khả năng thanh toán các khoản nợ vay quá hạn, nợ vay đến hạn trong các kỳ tài chính tiếp theo.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09A - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu**

**a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

*Đơn vị tính: VND*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2017	275.764.900.000	(26.000.000)	1.806.671.911	6.543.174.007	284.088.745.918
Lãi trong năm	-	-	-	231.883.852	231.883.852
Tặng khác	-	(200.000.000)	603.302.317	951.246.335	1.354.548.652
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	904.953.475	904.953.475
Chia trả cổ tức	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	640.302.407	640.302.407
<b>Số dư tại 31/12/2017 (**)</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(226.000.000)</b>	<b>2.409.974.228</b>	<b>6.181.048.312</b>	<b>284.129.922.540</b>
Số dư tại 01/01/2018	275.764.900.000	(226.000.000)	2.409.974.228	6.181.048.312	284.129.922.540
Trích lập các quỹ	-	-	94.151.521	-	94.151.521
Lỗ trong kỳ	-	-	-	14.005.721.825	14.005.721.825
Phân phối lợi nhuận năm 2017	-	-	-	429.227.282	429.227.282
<b>Số dư tại 30/06/2018</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>(226.000.000)</b>	<b>2.504.125.749</b>	<b>(8.253.900.795)</b>	<b>269.789.124.954</b>

(\*\*) Thực hiện điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm tại ngày 01/01/2018 liên quan đến khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông có số tiền 5.239.533.100 đồng được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 khi chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.17 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Lê Xuân Nghĩa	46.105.020.000	46.105.020.000
Đỗ Thu Hiền	19.430.000.000	19.430.000.000
Nguyễn Thị Mai Hương	17.521.500.000	17.521.500.000
Bùi Thị Lệ Thủy	13.150.000.000	14.927.000.000
Nguyễn Văn Dưỡng	2.830.000.000	2.830.000.000
Các tổ chức trong nước Việt Nam	364.170.000	364.170.000
Các tổ chức và cá nhân nước ngoài	2.661.000.000	2.604.000.000
Các cổ đông khác	173.703.210.000	171.983.210.000
<b>Tổng</b>	<b>275.764.900.000</b>	<b>275.764.900.000</b>

**5.18 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Doanh thu bán hạt nhựa	6.779.702.865	32.995.718.772
Doanh thu bán bao bì	22.406.664.659	38.923.866.766
Doanh thu khác	850.087.454	9.947.144.995
<b>Tổng</b>	<b>30.036.454.978</b>	<b>81.866.730.533</b>

**5.19 Giá vốn hàng bán**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Giá vốn bán hạt nhựa	6.196.698.072	27.136.473.900
Giá vốn bán bao bì	24.391.812.549	31.367.396.271
Giá vốn khác	797.136.362	13.877.154.993
<b>Tổng</b>	<b>31.385.646.983</b>	<b>72.381.025.164</b>

**5.20 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	105.804.888	2.634.967
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.340.487	-
<b>Tổng</b>	<b>108.145.375</b>	<b>2.634.967</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.21 Chi phí tài chính**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lãi tiền vay	5.343.151.308	4.168.756.727
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.180.325	23.472.343
<b>Tổng</b>	<b>5.346.331.633</b>	<b>4.192.229.070</b>

**5.22 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>191.113.727</b>	<b>318.914.720</b>
Chi phí nhân viên	59.307.285	93.716.832
Chi phí vận chuyển	121.712.714	207.245.079
Chi phí bằng tiền khác	10.093.728	17.952.809
<b>Chi phí quản lý</b>	<b>6.541.397.525</b>	<b>2.027.652.721</b>
Chi phí nhân viên quản lý	848.529.258	1.067.499.642
Chi phí đồ dùng văn phòng	11.830.960	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	66.666.665
Thuế phí và lệ phí	199.987.500	-
Chi phí dự phòng	4.876.459.500	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	574.359.561	785.578.384
Chi phí bằng tiền khác	30.230.746	107.908.030
<b>Tổng</b>	<b>6.732.511.252</b>	<b>2.346.567.441</b>

**5.23 Thu nhập khác, Chi phí khác**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
<b>Thu nhập khác</b>		
Thanh lý tài sản	-	(254.133.340)
Thu nhập khác	200	150.000.000
<b>Tổng</b>	<b>200</b>	<b>(104.133.340)</b>
<b>Chi phí khác</b>		
Lãi chậm thanh toán theo hợp đồng kinh tế	529.543.127	-
Chi phí khác	156.289.383	206.412.132
<b>Tổng</b>	<b>685.832.510</b>	<b>206.412.132</b>
<b>Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)</b>	<b>(685.832.310)</b>	<b>(310.545.472)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**

Bảo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**5.24 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	567.887.147
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>567.887.147</b>

**5.25 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	(14.005.721.825)	2.071.111.206
Các khoản điều chỉnh	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	(14.005.721.825)	2.071.111.206
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	27.576.490	27.576.490
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	(507.89)	75.10

**5.26 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	31.752.529.246	35.367.272.003
Chi phí nhân công	1.618.258.605	3.668.158.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.651.614.492	9.040.330.189
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.755.954.860	1.898.319.405
Chi phí khác bằng tiền	100.096.892	451.893.785
<b>Tổng</b>	<b>36.878.454.095</b>	<b>50.425.973.554</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

**6.1 Thông tin về bên liên quan**

**a. Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Giám đốc**

		Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	Lương và Thù lao	144.000.000	144.000.000
Ban Giám đốc	Lương và Thù lao	293.145.871	375.869.712
<b>Tổng</b>		<b>437.145.871</b>	<b>519.869.712</b>

**b. Số dư các bên liên quan**

Các khoản phải trả	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<i>Phải trả người bán</i> Ngô Thị Ngân	Liên quan với Phó CT HĐQT	1.842.265.400	1.203.488.000
<i>Phải trả khác</i> Ngô Thị Ngân	Liên quan với Phó CT HĐQT	84.000.000	-
Phạm Thị Thủy	Ủy viên HĐQT công ty liên kết	314.000.000	-
<b>Tổng</b>		<b>2.240.265.400</b>	<b>1.203.488.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT XUẤT NHẬP KHẨU NHP**  
 Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2018

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09A - DN

**6.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

**b. Số dư các bên liên quan (Tiếp theo)**

	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
<b>Đầu tư khác</b>			
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	Liên quan với HĐQT	50.000.000.000	50.000.000.000
Phạm Thị Thủy (ủy thác đầu tư)		12.800.000.000	-
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Thịnh Phát	Liên quan với HĐQT	32.986.112.544	29.830.973.366
Công ty Cổ phần vật liệu xây dựng GDM	Liên quan với HĐQT	16.254.865.000	16.254.865.000
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	1.842.500.000	1.842.500.000
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Trường Giang	Liên quan với HĐQT	189.221.360	3.064.577.000
<b>Phải thu khác</b>			
Nguyễn Thị Mai Hương	Liên quan với HĐQT	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngô Thị Huyền	Liên quan với HĐQT	2.800.000.000	2.800.000.000
<b>Tạm ứng</b>			
Nguyễn Cảnh Dinh	Thành viên HĐQT	2.000.000.000	-
Lê Xuân Nghĩa	Chủ tịch HĐQT	321.200.000	2.252.500.000
Phạm Thị Thủy	Ủy viên HĐQT công ty liên kết	254.970.000	186.425.000
Trần Thị Hằng	Thành viên HĐQT	250.000.000	250.000.000
Nguyễn Thị Quyên	Thành viên Ban kiểm soát	125.127.434	9.679.298
Ngô Văn Phương	Phó Chủ tịch HĐQT	25.000.000	10.000.000
<b>Tổng</b>		<b>123.848.996.338</b>	<b>110.501.519.664</b>
<b>Trả trước người bán ngắn hạn</b>			
	Mối quan hệ	30/06/2018 VND	01/01/2018 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư NHP	Công ty liên kết	80.000.000	80.000.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	Liên quan với HĐQT	-	1.131.689.333
Viện nghiên cứu Phát triển kinh doanh	Liên quan với HĐQT	418.214.100	418.214.100
<b>Tổng</b>		<b>498.214.100</b>	<b>1.629.903.433</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MÃU B 09A - DN

**6.1 Thông tin về bên liên quan (Tiếp theo)**

**c. Giao dịch các bên liên quan**

Mua hàng	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Trường Giang	Liên quan với Chủ tịch HĐQT	2.605.209.000	11.424.410.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	Liên quan với Phó CT HĐQT	1.315.052.382	20.074.120.682
Ngô Thị Ngân	Liên quan với Phó CT HĐQT	3.090.570.364	2.511.818.182
<b>Tổng</b>		<b>7.010.831.746</b>	<b>34.010.348.864</b>
Bán hàng	Mối quan hệ	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
		6 tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND	6 tháng kết thúc ngày 30/6/2017 VND
Công ty CP Đầu tư và xây dựng Trường Giang	Liên quan với Chủ tịch HĐQT	263.976.600	14.570.190.000
Công ty TNHH Thịnh Phát	Liên quan với Phó CT HĐQT	6.519.103.649	45.450.482.529
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng GDM	Liên quan với HĐQT	-	3.069.204.545
Bà Ngô Thị Ngân	Liên quan với Phó CT HĐQT	122.590.909	6.026.350.000
<b>Tổng</b>		<b>6.905.671.158</b>	<b>69.116.227.074</b>

Giao dịch với các bên liên quan được thực hiện theo thỏa thuận giữa các bên, giá thực hiện của các giao dịch có thể khác biệt với giá thị trường.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.16 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo tài chính giữa niên độ Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2018	01/01/2018
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.704.628.626	5.152.193.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.790.114.678	90.448.972.162
Đầu tư ngắn hạn	-	-
Đầu tư dài hạn	186.800.000.000	174.000.000.000
<b>Tổng</b>	<b>279.294.743.304</b>	<b>269.601.166.113</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	78.179.531.130	78.684.031.130
Phải trả người bán và phải trả khác	18.188.188.893	16.818.663.790
Chi phí phải trả	8.061.446.380	2.529.928.943
<b>Tổng</b>	<b>104.429.166.403</b>	<b>98.032.623.863</b>

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>			
Các khoản vay	68.421.428.075	9.758.103.055	78.179.531.130
Phải trả người bán và phải trả khác	18.188.188.893	-	18.188.188.893
Chi phí phải trả	8.061.446.380		8.061.446.380
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>			
Các khoản vay	64.986.886.855	13.697.144.275	78.684.031.130
Phải trả người bán và phải trả khác	16.818.663.790	-	16.818.663.790
Chi phí phải trả	2.529.928.943	-	2.529.928.943

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

MẪU B 09A - DN

**6.2 Công cụ tài chính - Quản lý rủi ro (Tiếp theo)**

**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 30/06/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.704.628.626	-	4.704.628.626
Phải thu khách hàng và phải thu khác	87.663.612.148	126.502.530	87.790.114.678
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
<b>Tại ngày 01/01/2018</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.152.193.951	-	5.152.193.951
Phải thu khách hàng và phải thu khác	89.454.469.632	994.502.530	90.448.972.162

**6.3 Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI). Báo cáo kiểm toán độc lập số 54/2018/BCKT/BCTC/CPA HANOI phát hành ngày 22/03/2018 đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần, cho rằng số dư tại ngày 31/12/2017 phản ánh trung thực, hợp lý.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.17 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính: Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố số dư đầu năm tại ngày 01/01/2018 liên quan đến khoản cổ tức phải trả cho các cổ đông có số tiền 5.239.533.100 đồng được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017 khi chưa có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

Người lập



Nguyễn Thị Hương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hương

Hà Nội, ngày 07 tháng 12 năm 2018



Phạm Đình Trung